

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Trọng Q, sinh năm 1970; địa chỉ: 1 H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Thị Thiên T, sinh năm 1971; địa chỉ: 1 H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 15, Quyển số 01/93, đăng ký ngày 06/4/1993 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa ông Q và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Q và bà T không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn

toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy khai sinh số 185, Quyển số 1/93 đăng ký ngày 03/12/1993 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); cùng lời xác nhận của ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T, ông bà chung sống có 01 (một) con chung là Trần Thanh P, giới tính: Nữ, sinh năm 1993 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 15, Quyển số 01/93, đăng ký ngày 06/4/1993 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T chung sống có 01 (một) con chung là Trần Thanh P, giới tính: Nữ, sinh năm 1993 (đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Trần Trọng Q và bà Lê Thị Thiên T phải chịu theo quy định nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009647 ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Q và bà T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND Tp. HCM;
- VKSND KV6, Tp . HCM;
- Phòng THADS KV6-Tp . HCM;
- Cơ quan nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Lê Thuần Phong